

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC,
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HS-ST

Ngày: 06-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thành Nghĩa.
- Ông Nguyễn Vĩnh Mậu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Trúc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Hồng Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2024/TLST-HS, ngày 09 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 87/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2024 và Thông báo chuyển thời gian xét xử số 623/2024/TB-TA ngày 27 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Đức K, sinh năm 1979; nơi sinh tại **huyện T, tỉnh Bình Định**; nơi cư trú: **Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định**; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Đức S** và bà **Đoàn Thị U**; vợ là chị **Hồ Thị Thúy P**; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Phạm Hoàng T**, sinh năm 1986; nơi cư trú **A T, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định**; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Anh **Nguyễn Nam T1**, sinh năm 1994; nơi cư trú **khu phố M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định**; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Anh **Nguyễn Minh T2**, sinh năm 1996; nơi cư trú **tổ F, khu phố I, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định**; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Ông **Mai Văn M**, sinh năm 1976; nơi cư trú **xóm Đ, thôn K, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định**; vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Anh **Lê Hồ H**, sinh năm 2004; vắng mặt.
2. Anh **Nguyễn Thế V**, sinh năm 1983; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào rạng sáng ngày 03/9/2023, Tổ công tác của Công an thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định gồm ông **Phạm Hoàng T** - Phó trưởng Công an thị trấn D (Tổ trưởng), ông **Nguyễn Nam T1** - Cảnh sát khu vực và ông **Nguyễn Minh T2** - Cảnh sát khu vực thực hiện nhiệm vụ tuần tra kiểm soát đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định. Khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày, ông **Nguyễn Nam T1** điều khiển xe mô tô biển số 77B7-000.30 chở ông **Phạm Hoàng T**; ông **Nguyễn Minh T2** điều khiển xe mô tô biển số 77G1-334.30 đến khu vực bãi bồi ven sông H (tục danh đất Trục) thuộc tổ C, khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định thì phát hiện xe ô tô tải biển số 77C-192.89 do một người tên D (không rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển từ khu vực đất T3 đi ra có dấu hiệu chờ cát do khai thác trái phép. Lúc này, tổ công tác dừng lại yêu cầu tài xế xe ô tô tải này xuống xe để kiểm tra nhưng tài xế xe ô tô tải không chấp hành. Ông T2 dựng xe mô tô biển số 77G1-334.30 trước đầu xe ô tô tải (cách đầu xe tải khoảng 3m) rồi xuống xe để ngăn xe ô tô tải này bỏ chạy. Ông T1 điều khiển xe mô tô biển số 77B7-000.30 tiếp tục đi sâu vào khu vực đất Trục, còn ông T và ông T2 đi qua bên phụ của xe ô tô tải biển số 77C-192.89 để yêu cầu tài xế dừng lại kiểm tra. Xe ô tô tải biển số 77C-192.89 tiếp tục chạy đến gần xe mô tô biển số 77G1-334.30 của ông T2 thì dừng lại. Lúc này, bị cáo **Lê Đức K** chạy xe mô tô biển số 77X1-1953 đi từ ngoài vào khu đất Trục đến chỗ ông T và ông T2 đang làm nhiệm vụ, bị cáo K xuống xe rồi đi đến đất xe mô tô biển số 77G1-334.30 của ông T2 đang dựng trước đầu xe ô tô tải ra mép đường làm trống đường nên xe ô tô tải biển số 77C-192.89 tiếp tục bỏ chạy. Sau đó, bị cáo K tiếp tục lên xe mô tô biển số 77X1-1953 chạy hướng vào khu vực đất Trục. Thấy vậy, ông T cũng chạy theo vào khu vực đất T3 thì thấy ông T1 đang đứng trước xe ô tô tải biển số 77C-150.99 do **Lê Hồ H** là con bị cáo K điều khiển. Ông T1 yêu cầu tài xế xe ô tô tải dừng lại để làm việc. Lúc này, một xe máy mức bánh lốp (chưa rõ người điều khiển) ở gần xe ô tô tải biển số 77C-150.99 bỏ chạy hướng ra khỏi khu đất T3. Thấy vậy, ông T chạy đuổi theo xe máy mức này để yêu cầu tài xế dừng lại nhưng tài xế không dừng mà điều khiển xe máy mức chạy thoát. Tại vị trí xe ô tô tải biển số 77C-150.99, ông T1 yêu cầu H tắt máy xuống xe thì H xuống xe và nói xe ô tô tải bị hư rồi. Lúc này, bị cáo K đi đến la lớn tiếng “Sao, sao”. Ông T1 đang đứng ở vị trí bên tài xe ô tô tải biển số 77C-150.99, ông T1 nói “Xe máy ông hót cát trái phép” thì bị cáo K đến nói “Đề im đó” và định trèo lên xe ô tô tải biển số 77C-150.99 thì ông Tư cản lại, bị cáo K nói “Má mầy, đụ mẹ” rồi dùng tay giằng co, hất ông T1 ra rồi trèo lên vị trí lái. Ông T đi đến cùng ông T1 yêu cầu bị cáo K xuống xe để làm việc nhưng bị cáo K không chấp hành mà tiếp tục nổ máy xe tải. Lúc này, ông T chạy lên phía trước xe tải ở phía bên tài dùng súng bắn chỉ thiên để yêu cầu bị cáo K xuống xe nhưng bị cáo K vẫn điều khiển xe tải bỏ chạy.

Ông T2 dắt xe mô tô biển số 77G1-334.30 chắn đường thì bị cáo K lách qua xe mô tô chạy thoát. Lê Hồ H đến lấy xe mô tô biển số 77X1-1953 do bị cáo K để lại định nổ máy bỏ chạy thì tổ công tác ngăn lại nên H bỏ xe chạy bộ ra khỏi hiện trường.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Lê Đức K đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tạm giữ của bị cáo Lê Đức K 01 chiếc xe mô tô biển số 77X1-1953, màu Đen, số máy: VVCLC150FMG20000087, số khung: RMNDCGHMN6H000087.

Về phần dân sự: Ông Phạm Hoàng T, ông Nguyễn Nam T1, ông Nguyễn Minh T2 không yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKS-TP ngày 03 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước đã truy tố bị cáo Lê Đức K về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Đức K về tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 330; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Đức K từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị không khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo Lê Đức K.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo Lê Đức K 01 chiếc xe mô tô biển số 77X1-1953.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi các đồng chí Công an làm nhiệm vụ mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo biết lỗi của bị cáo, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong Lời luận tội Kiểm sát viên đã căn cứ vào các chứng cứ mà Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thu thập và được kiểm tra tại phiên tòa để xác định: Vào ngày 03 tháng 9 năm 2023 bị cáo Lê Đức K nói một người tên D và Lê Hồ H điều khiển xe ô tô tải biển số 77C-192.89 và xe ô tô tải biển số 77C-150.99 đến khu

vực bãi bồi ven sông H (tục danh đất Trục) thuộc tổ C, khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định để khai thác cát trái phép. Khi bị cáo Lê Đức K phát hiện xe ô tô tải biển số 77C-192.89 bị tổ Công tác Công an thị trấn Diêu Trì gồm ông Phạm Hoàng T là Phó trưởng công an thị trấn D-tổ trưởng, ông Nguyễn Nam T1 và ông Nguyễn Minh T2 là Cảnh sát khu vực dùng xe mô tô biển số 77G1-334.30 chặn lại thì bị cáo đến đất xe mô tô của tổ công tác ra bên ngoài tạo điều kiện cho tài xế điều khiển xe ô tô tải biển số 77C-192.89 bỏ chạy. Sau đó bị cáo phát hiện xe ô tô tải biển số 77C-150.99 bị ông Nguyễn Nam T1 chặn lại nên đến giảng co, hắt ông T1 là thành viên của tổ công tác ra để trèo lên xe ô tô tải biển số 77C-150.99 rồi điều khiển xe ô tô tải này bỏ chạy. Lời luận tội của Kiểm sát viên có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi lẽ các chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo là những chứng cứ có thật, được Cơ quan cảnh sát điều tra thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định.

[3] Bị cáo Lê Đức K không có tranh luận gì với Kiểm sát viên và cũng không đưa ra chứng cứ nào để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình mà bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng số 34/CT-VKS-TP ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của những người làm chứng và những chứng cứ khác đã thu thập nên lời khai của bị cáo có căn cứ.

[4] Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Lê Đức K là người có khả năng nhận thức được hành vi dùng vũ lực cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính Nhà nước. Nhận thức được như vậy nhưng bị cáo thực hiện hành vi dùng vũ lực cản trở ông Phạm Hoàng T-Phó trưởng công an thị trấn D-tổ trưởng, ông Nguyễn Nam T1, ông Nguyễn Minh T2-Cảnh sát khu vực là các thành viên tổ Công tác Công an thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định là người đang thi hành công vụ, giải quyết sự việc bị cáo đang thực hiện hành vi khai thác cát trái phép nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã cản trở đến việc thực thi công vụ của cơ quan nhà nước, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan nhà nước và những người được giao thi hành công vụ, xâm phạm đến hoạt động của nhà nước về quản lý hành chính trong lĩnh vực thi hành nhiệm vụ công.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo là người có nhân thân tốt.

[7] Với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện lẽ ra xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn với mức án nghiêm khắc nhưng xét thấy bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng có thể giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; giáo dục bị cáo tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[8] Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, người bị kết án cải tạo không giam giữ bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung công quỹ nhà nước, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[9] Xét về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Phạm Hoàng T**, anh **Nguyễn Nam T1** và anh **Nguyễn Minh T2** không có yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Xét về vật chứng vụ án: Một xe mô tô biển số 77X1-1953, màu đen, số máy VVCLC150FMG20000087, số khung: RMNDCGHMN6H000087 tại thời điểm thu giữ thì bị cáo **Lê Đức K** đang quản lý. Do đó căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên giao trả lại xe mô tô trên cho bị cáo tiếp tục quản lý. Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với chiếc xe mô tô nêu trên thì giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[11] Xét về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo **Lê Đức K** phải chịu số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

[12] Đối với tài xế điều khiển xe ô tô tải biển số 77C-192.89 có hành vi không chấp hành yêu cầu kiểm tra của tổ công tác. Tuy nhiên, bị cáo **Lê Đức K** khai chỉ biết người này tên **D** chứ không rõ thông tin lai lịch của người này nên không có căn cứ để xử lý về hành vi “Không chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ” quy định tại khoản 9 Điều 11 Nghị định 100/NĐ/CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

[13] Đối với tài xế điều khiển xe máy mức, ông **Phạm Hoàng T** khai khi ông **T** chạy đuổi theo và nhảy lên gàu xe máy mức, ông **T** yêu cầu tài xế dừng phương tiện nhưng tài xế không chấp hành, dùng tay gạt không cho ông **T** rút chìa khóa xe và lắc xe hất ông **T** ra nên ông **T** nhảy xuống xe mức. Tuy nhiên, bị cáo **Lê Đức K** khai chỉ biết người này tên **N** hay Mước ; bị cáo **K** không nhớ rõ tên, không rõ thông tin, lai lịch của người này. Vào ngày 02/9/2023, bị cáo **K** mượn xe mô tô biển số 77X1-1953 của tài xế điều khiển xe máy mức để sử dụng, rồi điều khiển xe mô tô này đến hiện

trường khai thác cát. Qua xác minh, xác định xe mô tô biển số 77X1-1953 do ông **Mai Văn M** đăng ký chủ sở hữu. Khi Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T** tiến hành làm việc với **M** thì **M** khai đã bán chiếc xe mô tô biển số 77X1-1953 cho một người đàn ông ở **huyện P, tỉnh Bình Định**; ông **M** không nhớ rõ thông tin của người mua, ông **M** không có làm nghề lái máy móc. Cơ quan điều tra tiến hành cho bị cáo **Lê Đức K** nhận dạng người qua ảnh (có hình ảnh của ông **Mai Văn M**) thì bị cáo **K** xác định những người trong bản ảnh không phải là người tài xế lái máy móc cho bị cáo **K** vào ngày 03/9/2023. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T** không xác định được nhân thân, lai lịch của người điều khiển xe máy móc nên không có căn cứ để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 330; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 106, 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Lê Đức K** phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo **Lê Đức K** 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự **Công an huyện T**, tỉnh Bình Định nhận được Quyết định thi hành án.

2.2. Giao bị cáo **Lê Đức K** cho Ủy ban nhân dân xã **P**, huyện **T**, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo **Lê Đức K** có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã **P**, huyện **T**, tỉnh Bình Định trong việc giám sát, giáo dục bị cáo **Lê Đức K**.

2.3. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự. Trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

3. Không khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo **Lê Đức K**.

4. Về vật chứng của vụ án:

4.1. **T4** giao trả lại 01 (Một) chiếc xe mô tô biển số 77X1-1953, màu đen, số máy VVCLC150FMG20000087, số khung: RMNDCGHMN6H000087 cho bị cáo **Lê Đức K** tiếp tục quản lý. Hiện vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 5 năm 2024

giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T**, tỉnh Bình Định và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

4.2. Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu đối với chiếc xe mô tô nêu trên thì giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo **Lê Đức K** phải chịu số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 06 tháng 6 năm 2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- **Công an huyện T**, tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công M1

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- CQCSĐT và CQTHAHS **Công an H. Tuy Phước**;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước;
- Chi cục THA dân sự huyện Tuy Phước;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công Minh

